

Số: 2013 /2013/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 27 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chế độ quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ
môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT ngày 7 tháng 5 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự thủ tục nghiệm thu thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 60/2012/TT-BNNPTNT ngày 9 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định diện tích rừng trong lưu vực phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của liên Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính ban hành cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 338/TTr-SNN ngày 18 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VB QPPL- Bộ Tư pháp;
- TTrực Tỉnh ủy;
- TTrực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu : VT, NN, KT. *lv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Bông

QUY ĐỊNH
Về chế độ quản lý quản lý, sử dụng tiền chi trả
dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2043 /2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự thủ tục lập và báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính; quyết toán thu, chi và tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Các nội dung khác liên quan đến chế độ quản lý tài chính và cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của liên Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính ban hành cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn được nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, nhận chuyển nhượng từ chủ rừng khác.

2. Chủ rừng là tổ chức cụ thể như sau:

a) Chủ rừng là tổ chức nhà nước gồm các đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang và doanh nghiệp nhà nước.

b) Chủ rừng là tổ chức không thuộc nhà nước gồm các đơn vị, doanh nghiệp không thuộc quy định tại mục a khoản 2 của Điều này.

3. Các tổ chức không phải là chủ rừng được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, các tổ chức chính trị, xã hội.

4. Tổ chức chi trả cấp huyện, thành phố gồm: Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng các huyện, thành phố hoặc Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP VÀ BÁO CÁO KẾ HOẠCH THU, CHI TÀI CHÍNH; QUYẾT TOÁN THU, CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Điều 4. Trình tự lập kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được giao trách nhiệm quản lý rừng.

Tổ chức chi trả các huyện, thành phố là cơ quan đầu mối tiếp nhận nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng (sau đây gọi tắt là DVMTR) cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh chuyển về; có trách nhiệm lập Hồ sơ đề nghị chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, báo cáo UBND huyện, thành phố xác nhận, gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh làm cơ sở cho việc chi trả. Trình tự, thủ tục như sau:

a) Bước 1: Hàng năm Tổ kỹ thuật các huyện, thành phố phối hợp với UBND các xã, thị trấn rà soát, thống kê diện tích, ranh giới rừng theo từng lưu vực trên địa bàn các huyện, thành phố trình UBND cấp huyện phê duyệt, sau đó gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh) kiểm tra, theo dõi.

b) Bước 2: Trên cơ sở danh sách, diện tích đã được huyện phê duyệt, Tổ chức chi trả cấp huyện hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn ký cam kết bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, gửi UBND xã tổng hợp gửi Tổ chức chi trả cấp huyện.

c) Bước 3: Căn cứ kế hoạch điều phối tiền chi trả DVMTR của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, Tổ chức chi trả cấp huyện lập kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng toàn huyện trình UBND huyện phê duyệt, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh). Nội dung gồm:

- Báo cáo thuyết minh kế hoạch chi trả.
- Biểu dự toán chi trả chi tiết.

d) Bước 4: Trên cơ sở các cam kết bảo vệ rừng, Tổ chức chi trả cấp huyện hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự kê khai kết quả bảo vệ rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo năm kế hoạch và nộp tại thôn. Trưởng thôn tổng hợp danh sách tự kê khai của các chủ rừng gửi UBND xã.

đ) Bước 5: Ủy ban nhân dân xã tổng hợp danh sách và bản tự kê khai kết quả bảo vệ rừng trên địa bàn xã gửi Hạt Kiểm lâm huyện.

e) Bước 6: Trên cơ sở danh sách và các bản tự kê khai kết quả bảo vệ rừng, Hạt kiểm lâm huyện chủ trì, phối hợp cùng Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng, Tổ chức chi trả cấp huyện tiến hành nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và tổng hợp kết quả nghiệm thu trên địa bàn huyện theo từng xã, thị trấn, gửi Tổ chức chi trả cấp huyện làm căn cứ chi trả tiền DVMTR.

Phương thức thanh toán: Trên cơ sở hồ sơ đề nghị chi trả tiền DVMTR của Tổ chức chi trả cấp huyện, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh sẽ chuyển tiền DVMTR vào tài khoản của Tổ chức chi trả cấp huyện để chi trả cho các chủ

rừng. Riêng đối với những diện tích rừng do cộng đồng dân cư thôn quản lý bảo vệ có thể chi trả theo 2 hình thức: Thôn thành lập các tổ, đội bảo vệ rừng chuyên trách để trực tiếp nhận tiền chi trả DVMTR, hoặc cộng đồng dân cư thôn cử đại diện đứng tên trong hồ sơ để nhận tiền chi trả DVMTR, sau đó cấp phát cho các hộ gia đình trong cộng đồng thôn bản có tham gia bảo vệ rừng, đồng thời lập bảng kê danh sách chi tiết và có chữ ký của các hộ gia đình được nhận tiền kèm theo làm cơ sở để thanh, quyết toán với cơ quan nhà nước theo quy định.

Đối với những diện tích đất lâm nghiệp chưa giao và những diện tích đất lâm nghiệp đã giao nhưng không xác định được chủ rừng trên thực địa, việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng thực hiện theo hình thức giao khoán bảo vệ rừng cho các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư sở tại để nhận tiền chi trả DVMTR, khi việc giao rừng đến từng chủ rừng hoàn tất thì việc chi trả DVMTR sẽ được trả trực tiếp đến các chủ rừng.

2. Chủ rừng là tổ chức nhà nước và Chủ rừng là tổ chức không thuộc nhà nước

a) Bước 1: Hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, thống kê diện tích rừng thuộc lưu vực có cung ứng dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức trên địa bàn tỉnh trình UBND cấp tỉnh phê duyệt.

b) Bước 2: Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng gửi về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

c) Bước 3: Căn cứ kế hoạch điều phối tiền chi trả DVMTR của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, các tổ chức lập kế hoạch chi trả tiền DVMTR và tự phê duyệt gửi Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thẩm định.

Nội dung gồm:

- Báo cáo thuyết minh kế hoạch chi trả.
- Biểu dự toán chi trả chi tiết.
- Bản đồ ranh giới diện tích rừng cung ứng DVMTR; Bản đồ giao khoán bảo vệ rừng cho từng chủ nhận khoán tỷ lệ 1/10.000.

d) Bước 4: Đối với các diện tích rừng chưa thực hiện giao khoán cho các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chủ rừng tự kê khai kết quả bảo vệ rừng.

đ) Bước 5: Đối với các diện tích rừng khoán cho hộ nhận khoán, chủ rừng là tổ chức tự nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng với các hộ nhận khoán và tổng hợp kết quả nghiệm thu có xác nhận của chính quyền địa phương gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh).

e) Bước 6: Trên cơ sở báo cáo kết quả nghiệm thu của chủ rừng là tổ chức đối với hộ nhận khoán, và bản tự kê khai kết quả bảo vệ rừng đối với diện tích rừng chưa giao khoán. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành nghiệm thu và tổng hợp kết quả nghiệm thu bảo vệ rừng theo từng chủ rừng gửi Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh làm căn cứ để chi trả tiền DVMTR.

Phương thức thanh toán: Trên cơ sở hồ sơ đề nghị chi trả DVMTR của các chủ rừng là tổ chức, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh sẽ tiến hành chi trả trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng cho các chủ rừng.

3. Đối với tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

- Lập Phương án đề nghị hỗ trợ kinh phí quản lý bảo vệ rừng từ nguồn chi trả DVMTR gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Trình tự, thủ tục để lập kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng tiếp theo thực hiện như các bước 1 đến bước 6 của khoản 2 điều này.

Phương thức thanh toán: Trên cơ sở hồ sơ đề nghị chi trả DVMTR của các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh sẽ tiến hành chi trả trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng cho các tổ chức.

Điều 5. Quyết toán, kiểm tra giám sát và công khai tài chính tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Quyết toán

a) Quyết toán chi phí quản lý:

Tổ chức chi trả các huyện, thành phố, chủ rừng là tổ chức hàng năm lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thẩm tra, phê duyệt. Việc thẩm tra được thực hiện thông qua Biên bản thẩm tra quyết toán.

- Kinh phí được quyết toán:

+ Đối với Tổ chức chi trả các huyện, thành phố chi phí theo dự toán được phê duyệt.

+ Đối với chủ rừng là tổ chức: chi phí được quyết toán là chi phí theo dự toán được duyệt nhưng không được vượt quá 10% của tổng số tiền thực tế chi trả dịch vụ môi trường đã được xác định thông qua kết quả nghiệm thu.

Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh lập báo cáo chi phí quản lý phần chi phí tại Quỹ và tổng hợp chi phí quản lý của Tổ chức chi trả các huyện, thành phố thành báo cáo quyết toán chi phí quản lý chi trả dịch vụ môi trường rừng trình Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt.

b) Quyết toán chi trả dịch vụ môi trường rừng:

Chủ rừng là các tổ chức lập báo cáo quyết toán thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng gồm kinh phí chuyển thành nguồn thu sự nghiệp của chủ rừng (đối với diện tích rừng chưa giao khoán) và phần chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hộ nhận khoán (đối với diện tích rừng đã giao khoán), gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

Tổ chức chi trả cấp huyện lập báo cáo quyết toán phần chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng nhận khoán, cá nhân, hộ gia đình gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thẩm tra quyết toán, tổng hợp chi trả toàn tỉnh trình Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt.

2. Kiểm tra, giám sát, công khai tài chính

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện công khai tài chính theo qui định của pháp luật về tài chính, kế toán.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ cấp tỉnh. Kết quả kiểm tra gửi cho Sở Tài chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

- Căn cứ yêu cầu của công tác quản lý, Sở Tài chính kiểm tra báo cáo tài chính của Quỹ cấp tỉnh, tổ chức chi trả cấp huyện.

- Các Tổ chức chi trả, các chủ rừng: Chịu sự kiểm tra, giám sát của chính quyền, các tổ chức và nhân dân.

Thông báo tới thôn, bản, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội và công khai theo qui định về Qui chế dân chủ tại cơ sở: danh sách, số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả của các đối tượng được chi trả. Việc công khai được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

+ Niêm yết công khai danh sách, số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả tại trụ sở UBND xã và cộng đồng dân cư hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân tiện theo dõi;

+ Thông báo bằng văn bản; Thông báo trên hệ thống truyền thanh của cấp xã, thôn hoặc công bố trong các hội nghị, cuộc họp của xã, thôn.

Điều 6. Tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

Căn cứ vào kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được UBND tỉnh phê duyệt, Các chủ rừng lập hồ sơ gửi đề nghị xin tạm ứng về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đề nghị tạm ứng:

- Tờ trình xin tạm ứng.

- Danh sách, diện tích các chủ rừng có cung cấp dịch vụ môi trường rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức tạm ứng, số lần tiền tạm ứng:

- Mức tạm ứng: Tối đa 30% tổng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng mà chủ rừng được nhận trong năm kế hoạch.

- Số lần tiền tạm ứng: 01 (một) lần trong năm kế hoạch.

Điều 7. Kinh phí hoạt động

- Tổ chức chi trả tiền DVMTR các huyện, thành phố được sử dụng 10% từ nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng do UBND cấp huyện quản lý và nguồn kinh phí được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh hỗ trợ hàng năm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Nội dung, mức chi trả trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Riêng định mức chi cho các hoạt động nghiệp vụ như: lập hồ sơ, bản đồ giao khoán rừng, nghiệm thu đánh giá chất lượng rừng... được thực hiện theo định mức lâm sinh do UBND tỉnh ban hành hàng năm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan ban hành các mẫu biểu, thủ tục hướng dẫn các chủ rừng lập hồ sơ chi trả tiền DVMTR, thực hiện tốt kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh đảm bảo chính xác, đúng đối tượng.

Thẩm định kế hoạch thu, chi DVMTR hàng năm của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng trình UBND tỉnh phê duyệt.

Chỉ đạo Chi cục Lâm nghiệp chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức nghiệm thu, phúc tra nghiệm thu rừng cho các chủ rừng là các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng, các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định.

Thẩm định Phương án quản lý bảo vệ rừng cho các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở chi trả tiền DVMTR.

Chỉ đạo Chi cục kiểm lâm giao Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố chủ trì tổ chức nghiệm thu, đánh giá chất lượng rừng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có cung cấp dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ giao đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng đến từng chủ rừng làm căn cứ chi trả DVMTR cho các chủ rừng.

3. Sở Tài chính

Chỉ đạo, hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh sử dụng nguồn tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012, Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thẩm định dự toán các Dự án, Đề án liên quan đến thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn, chỉ đạo Quỹ vệ và phát triển rừng lập kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện cùng kỳ với việc lập kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Sở Công thương

Phối hợp với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng rà soát, đối chiếu sản lượng điện các Nhà máy thủy điện và cung cấp thông tin (công suất nhà máy, địa điểm đập ngăn nước, thời gian đi vào hoạt động...) để bổ sung những Nhà máy thủy điện mới đi vào hoạt động phải chi trả tiền DVMTR.

6. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh

Lập kế hoạch chi trả tiền DVMTR bao gồm chi phí quản lý và kinh phí chi trả cho các chủ rừng; tổng hợp kết quả thu, chi tiền DVMTR toàn tỉnh hàng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.


Tham mưu đề xuất Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Giang định mức tiền chi trả DVMTR của các lưu vực của từng năm kế hoạch.

Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng quy định tại Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tổ kỹ thuật của huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đảm bảo đúng đối tượng, định mức theo kế hoạch.

Chỉ đạo Cơ quan đầu mối thực hiện chi trả cấp huyện, hướng dẫn các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; UBND cấp xã có diện tích rừng cung cấp DVMTR lập hồ sơ đề nghị chi trả tiền DVMTR theo quy định; phối hợp với Hạt kiểm lâm tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả cung ứng DVMTR của các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, tổ, đội bảo vệ rừng trên địa bàn huyện; xây dựng Kế hoạch chi trả DVMTR chung của huyện, thành phố gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

Trên đây là Quy định về chế độ quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì phát sinh, vướng mắc hoặc cần sửa đổi bổ sung, các cấp, các ngành gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Bông